

Số: 266/TTYT-KH

Thiệu Hóa, ngày 4 tháng 10 năm 2019.

KẾ HOẠCH

Triển khai đề án 818 “Xã hội hóa phương tiện tránh thai và hàng hóa sức khỏe sinh sản” năm 2019.

Căn cứ công văn số 182/CCDS-DS của Chi cục Dân số-KHHGD tỉnh Thanh Hóa ngày 10 tháng 7 năm 2019 về việc tiếp tục triển khai đề án “Xã hội hóa phương tiện tránh thai và hàng hóa sức khỏe sinh sản đề án 818” năm 2019.

Để tiếp tục đẩy mạnh và mở rộng Xã hội hóa phương tiện tránh thai và hàng hóa sức khỏe sinh sản, Trung tâm Y tế huyện Thiệu Hóa đề nghị Trưởng trạm Y tế, cán bộ Dân số các xã thị trấn triển khai thực hiện phân phối sản phẩm PTTT và hàng hóa SKSS cụ thể như sau:

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung:

Đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng về phương tiện tránh thai (PTTT), hàng hóa dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản (KHHGD/SKSS) có chất lượng cho người dân nhằm đảm bảo sự công bằng xã hội, tính bền vững của chương trình Dân số-KHHGD.

2. Mục tiêu cụ thể:

+ 100% cán bộ đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội các cấp và những người có uy tín thuộc địa bàn Đề án nhận thức được ý nghĩa, vai trò và tầm quan trọng của xã hội hóa các PTTT đối với sự phát triển KT - XH ở địa phương.

+ 100% Cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội các cấp thuộc địa bàn Đề án đưa vấn đề thực hiện xã hội hóa PTTT vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội.

+ 100% cán bộ, nhân viên của các cơ sở y tế, các đơn vị cung cấp dịch vụ KHHGD/SKSS thuộc địa bàn Đề án được cung cấp thông tin, kiến thức về xã hội hóa.

+ 100% cán bộ y tế xã, cán bộ dân số, cộng tác viên dân số, y tế thôn được cung cấp thông tin, kiến thức về xã hội hóa.

+ 95% thanh niên, vị thành niên và các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ được tuyên truyền, tư vấn, vận động thực hiện xã hội hóa PTTT.

II. Sản phẩm và mức chi phí phân phối sản phẩm

1. Phương tiện tránh thai

ĐV: đồng/đơn vị sản phẩm

TT	Phương tiện tránh thai	ĐVT	Giá bán lẻ đến người tiêu dùng	Giá nộp về Chi cục Dân số tỉnh	Giá nộp về Trung tâm Y tế	Hoa hồng		
						Huyện	Xã	CTV địa bàn
1	Vòng	Chiếc	25.000	16.000	25.000	9.000	-	-
2	BCS Hello	Cái	1.000	730	790	60	70	140
3	BCS Hello plus	Cái	1.667	1.047	1.167	120	200	300
4	VTT Night Happy	Vi	8.000	6.000	6.400	400	600	1.000
5	VTT Anna	Vi	20.000	14.400	15.600	1.200	1.400	3.000

2. Hàng hóa sức khỏe sinh sản

ĐV: đồng/đơn vị sản phẩm

TT	Hàng hóa sức khỏe sinh sản	ĐVT	Giá bán lẻ đến người tiêu dùng	Giá nộp về Chi cục	Giá nộp về Trung tâm Y tế	Hoa hồng		
						Huyện	Xã	CTV địa bàn
1	Viên bổ sung sắt Prenatal	Hộp	140.000	103.000	111.000	8.000	9.000	20.000
2	Dung dịch vệ sinh đa năng Gyno Pro	Hộp	189.000	151.200	161.000	9.800	10.000	18.000
3	Dung dịch vệ sinh vagis	Lọ	24.000	19.000	20.000	1.000	1.000	3.000
4	Gel bôi trơn Sensi Love	Hộp	138.000	114.000	121.000	7.000	8.000	9.000
5	Bột Unical For Rice (bổ sung canxi)	Hộp	148.000	108.000	118.000	10.000	12.000	18.000

3. Nội dung chi phí phân phối sản phẩm.

3.1. Chi phí quản lý bao gồm các nội dung chi:

Chi phí văn phòng, hành chính, chi tiền lương, tiền công, công tác phí, kiểm tra, giám sát, hội họp, đi lại, chi phí khác cho việc tổ chức thực hiện.

3.2. Chi phí bảo quản, vận chuyển, bảo hiểm hàng hóa bao gồm các nội dung:

- Số tiền chi hoặc tỷ lệ chi bảo quản hàng hóa (nếu thuê kho) hoặc chi phí phương tiện, vật liệu tiêu hao và phục vụ bảo quản hàng hóa, tiền công thủ kho; quản lý kho, (nếu kho của đơn vị), nhưng mức chi không lớn hơn mức thuê kho;

- Số tiền chi hoặc tỷ lệ chi phí vận chuyển, bảo hiểm hàng hóa. Trường hợp tự vận chuyển thì tính theo mức chi phí vận chuyển công cộng tại địa phương, chi phí vật liệu, bao bì dùng cho việc vận chuyển hàng hóa (nếu cần thiết).

- Chi phí thúc đẩy sản phẩm bao gồm các nội dung chi: Tuyên truyền, quảng cáo, quảng bá thương hiệu sản phẩm, sản xuất sản phẩm xúc tiến, hội nghị khách hàng, phát triển mạng lưới phân phối (bao gồm cả hình thức đào tạo, tập huấn cho người bán hàng và hội thảo với các đơn vị tập huấn)

- Hoa hồng phân phối sản phẩm trả trọn gói theo mức bình quân các chi phí phải trả cho người bán hàng tính trên một đơn vị sản phẩm.

III. Tổ chức thực hiện

1. Trung tâm Y tế huyện

- Chủ trì phối hợp với Ban chỉ đạo công tác Dân số - KHHGD huyện, các xã, thị trấn triển khai kế hoạch trên địa bàn toàn huyện.

- Huy động nguồn lực, cung cấp phương tiện tránh thai và hàng hóa sức khỏe sinh sản cho các cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGD/SKSS trên địa bàn huyện đảm bảo chất lượng kịp thời và đúng khung giá theo quy định.

- Chịu trách nhiệm cung ứng vật tư tiêu hao, chỉ đạo và thực hiện kỹ thuật dịch vụ cho khách hàng, đảm bảo an toàn, thuận tiện đạt hiệu quả cao.

2. Trạm Y tế, Ban Dân số -KHHGD các xã, thị trấn.

- Trưởng trạm Y tế, Cán bộ Dân số các xã, Thị trấn có trách nhiệm cung cấp dịch vụ KHHGD/SKSS thuộc địa bàn Đề án được cung cấp thông tin, kiến thức về xã hội hóa phương tiện tránh thai, dịch vụ hàng hóa sức khỏe sinh sản/KHHGD đến người dân tại địa phương.

- Hàng tháng giao ban tại Trung tâm Y Tế huyện, Trưởng trạm Y tế, Cán bộ Dân số các xã, Thị trấn lập kế hoạch đăng ký phương tiện tránh thai (phi lâm sàng), hàng hóa sức khỏe sinh sản gửi về Phòng Dân số & TTGDSK để liên hệ với Ban quản lý Đề án 818 tỉnh cung ứng kịp thời cho đối tượng có nhu cầu.

Địa chỉ liên hệ Phòng Dân số & TTGDSK (gặp Đ/c Trang phụ trách ĐA 818, số ĐT : 0977.428.033 hoặc :0984.101.634) để được giải đáp mọi vấn đề liên quan.

Trên đây là kế hoạch triển khai thực hiện xã hội hóa phương tiện tránh thai, hàng hóa SKSS, Trung tâm Y tế huyện Thiệu Hóa đề nghị Trưởng trạm Y tế, Cán bộ Dân số các xã, Thị trấn triển khai thực hiện đạt kết quả cao nhất.

Nơi nhận:

- Trưởng trạm Y tế, CB Dân số các xã, thị trấn (t/h);
- Lưu VT.



Lê Lương Khang